**Nhóm 23**

**Đề tài: Phát triển service xử lý và lưu trữ video**

**Họ và tên: Trần Minh Mẫn**

**MSSV: 20110301**

**Task 2: 22/03/2023: Đặc tả usecase xoá project**

| **Use Case ID** | UC- |
| --- | --- |
| **Use Case Name** | Xóa project |
| **Description** | Liệt kê ra tất cả project hiện có trong hệ thống |
| **Actor (s)** | Người dùng |
| **Pre-Condition(s)** | Có project\_id của project đã tạo |
| **Post-Condition(s)** | Actor xóa được project |
| **Basic flow (s)** | 1. Actor chạy project và truy cập vào địa chỉ [**http://127.0.0.1:5050/swagger/**](http://127.0.0.1:5050/swagger/) 2. Actor chọn API: **/projects/{project\_id} (method DELETE)** 3. Actor chọn **Try it out** 4. Actor nhập project\_id cần xóa   {Chọn **Execute**}   1. Actor nhấn **Execute** 2. Yêu cầu được gửi tới hệ thống   {Xóa project}   1. Hệ thống sẽ xóa project dựa vào project\_id từ CSDL 2. Hệ thống trả về response 3. Hiển thị Response headers 4. Kết thúc use case |
| **Alternative flow (s)** | A1. Actor muốn hủy hành động  Tại {Chọn **Execute**} nếu muốn hủy hành động   1. Actor chọn Cancel 2. Quay lại bước 3   A2. Hệ thống thông báo lỗi khi Actor chưa nhập project\_id  Tại {Chọn **Execute**} nếu Actor chưa nhập project\_id   1. Hệ thống yêu cầu nhập project\_id 2. Quay lại bước 4   A3. Hệ thống thông báo lỗi khi Actor nhập project\_id không chính xác  Tại {Xóa project} nếu project\_id không chính xác   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Chuyển đến bước 8 |
| **Exception flow (s)** |  |